

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP ĐỨC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chính;

Bà Phan Thị Thu.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Diễm My - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Hồng Được - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam, Toà án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị B (Hồ Thị Kim C), sinh năm 1967; trú tại thôn 2, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D (Nguyễn D), sinh năm 1962; trú tại thôn 2, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hồ Thị B (Hồ Thị Kim C) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D (Nguyễn D) kết hôn vào ngày 18/8/1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại thôn 2, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do anh D thường xuyên đánh bạc, rượu chè, có quan hệ ngoại tình với người khác. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh D đã bỏ nhà đi làm ăn xa, không chăm lo cho gia đình, con cái. Thỉnh thoảng, anh D có quay về nhưng vẫn tiếp tục đánh đập và nghi ngờ chị ngoại tình với người khác. Đến nay, chị và anh D đã ly thân khoảng 05 năm, không quan tâm, chung sống cùng nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D (Nguyễn D).

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh D có 04 con chung. Hiện nay, 02 con là Nguyễn Thị M; Nguyễn Thị Mỹ L đã trưởng thành, còn 02 con Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 13/05/2003; Nguyễn Hồ H, sinh ngày 01/4/2005 chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị B (C) không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị B (C) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D (Nguyễn D): Trong quá trình giải quyết vụ án, qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện anh D có hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, hiện nay đã đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà, không đăng ký tạm vắng tại địa phương. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D để anh D biết và đến Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam giải quyết việc chị B (C) xin ly hôn nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 như không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, lấy lời khai, không tham gia phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ quy định Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B (C).

Về con chung: Chị B (C) và anh D có 02 con chung chưa trưởng thành là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 13/5/2003 và cháu Nguyễn Hồ H, sinh ngày 01/4/2005. Hiện nay, 02 cháu đều trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng sống với mẹ. Anh D vắng mặt tại địa phương đến nay đã hơn 04 năm và không còn thực hiện nghĩa vụ với con cái, chị B (C) không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần thiết giao 02 cháu cho chị B (C) được quyền nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn D (Nguyễn D) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng anh Nguyễn Văn D (Nguyễn D).

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tuy anh Nguyễn Văn D (Nguyễn D) không đến Tòa án, không có quan điểm về việc chị B (C) xin ly hôn, nhưng căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập xác định thì chị Hồ Thị B (Hồ Thị Kim C) và anh Nguyễn Văn D (Nguyễn D) kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam vào ngày 18/8/1986. Sau khi kết hôn, chị Hồ Thị B (Hồ Thị Kim C) và anh Nguyễn Văn D (Nguyễn D) chung sống tại thôn 2, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D không quan tâm, chăm lo cho gia đình, con cái. Hiện nay, anh D đã đi làm ăn xa, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị B (C) và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị B xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Hồ Thị B (Hồ Thị Kim C) và anh Nguyễn Văn D (Nguyễn D) có 04 con chung. Tuy nhiên, 02 con là Nguyễn Thị M.; Nguyễn Thị Mỹ L đã trưởng thành, còn 02 con Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 13/05/2003; Nguyễn Hồ H, sinh ngày 01/4/2005 chị B (C) đề nghị Tòa án giải quyết giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị B (C) không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D không có lời khai, không có mặt tại phiên tòa, do vậy, không có quan điểm của anh D về con chung.

Xét thấy, từ trước đến nay 02 con đang ở với chị B (C), chị B (C) là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con, còn anh D đi làm ăn xa, không thể chăm sóc con chu đáo. Hơn nữa, xét theo nguyện vọng của con, mong muốn được ở với mẹ. Nên để đảm bảo quyền lợi cho con chung nên giao 02 con cho chị B (C) nuôi dưỡng. Chị B (C) không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị B (C) có quan điểm tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh D không có lời khai, vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy không có quan điểm của anh D về tài sản. Nên Tòa án không xem xét giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết việc chia tài sản bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Hồ Thị B (Hồ Thị Kim C) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều

228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị B (Hồ Thị Kim C) được ly hôn với anh Nguyễn Văn D (Nguyễn D).

2. Về con chung: Giao 02 con là Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 13/05/2003; Nguyễn Hồ H, sinh ngày 01/4/2005 cho chị Hồ Thị B (Hồ Thị Kim C) trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Chị B (C) không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị B (Hồ Thị Kim C) phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị B (C) đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012865 ngày 06/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Chị B (C) đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/7/2018). Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được công bố, niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND H. Hiệp Đức;
- Chi cục Thi hành án DS H. Hiệp Đức;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Thọ